TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 02 năm 2024
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Loan;
2. Ông Nguyễn Gia Khải.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXX-ST ngày 04/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số nhà X, tổ Y, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- ***Bị đơn:*** Anh Bùi Huy K, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà X, tổ Y, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Chị N có mặt, anh K vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Huy K tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 19/02/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị trấn Q. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, anh K chơi cờ bạc không tu chí làm ăn. Vợ chồng ly thân từ tháng 01/2019 đến nay mỗi người sống một nơi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị N và anh K có 02 con chung là Bùi Hoàng Ng, sinh ngày 26/8/2011 và Bùi Huy Đ, sinh ngày 19/3/2014. Ly hôn Chị N đề nghị được nuôi cháu Ng, để anh K nuôi cháu Đ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho

nhau, hiện chị không có thai nghén gì. Chị N đang làm giáo viên dạy lớp 1 tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Q, thu nhập 1 tháng là 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai thì anh Bùi Huy K trình bày:* Anh xác nhận lời trình bày của Chị N về thời gian hoàn cảnh kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị trấn Q. Quá trình chung sống vợ chồng không hiểu nhau, vợ chồng có nhiều điều không hòa thuận được. Nay Chị N có đơn xin ly hôn thì tùy Chị N giải quyết, anh K không nhất trí, anh muốn các con có cả bố và mẹ. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Hoàng Ng, sinh ngày 26/8/2011 và Bùi Huy Đ, sinh ngày 19/3/2014. Ly hôn anh K đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con chung, nếu không được nuôi cả hai cháu thì anh K nhận nuôi cháu Đ để Chị N nuôi cháu Ng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện nay anh K đang làm việc tại Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Quỳnh Phụ thu nhập 01 tháng là 6.830.000 đồng. Về tài sản chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản ghi lời khai cháu Bùi Hoàng Ng trình bày:* Cháu Bùi Hoàng Ng, sinh ngày 26/8/2011 là con đẻ của chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Huy K. Hiện cháu Ng đang học lớp 7B trường Trung học cơ sở thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nếu Chị N, anh K ly hôn thì cháu Ng có nguyện vọng ở cùng chị Nguyễn Thị N.

- *Tại biên bản ghi lời khai cháu Bùi Huy Đ trình bày:* Cháu Bùi Huy Đ, sinh ngày 19/3/2014 là con đẻ của chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Huy K. Hiện cháu Đ đang học lớp 4A trường Tiểu học cơ sở thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nếu Chị N, anh K ly hôn thì cháu Đ có nguyện vọng ở cùng anh Bùi Huy K.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở tổ dân phố số X, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Huy K là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Q vào năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thị trấn Q, Chị N, anh K đều là giáo viên. Quá trình chung sống Chị N, anh K có mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì cơ sở không nắm rõ, khi biết Chị N làm đơn ly hôn thì cơ sở thôn đã gặp và khuyên bảo Chị N rút đơn về đoàn tụ nhưng Chị N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm. Nay Chị N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị N và anh K có 02 con chung là Bùi Hoàng Ng, sinh ngày 26/8/2011 và Bùi Huy Đ, sinh ngày 19/3/2014. Ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng các bên. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Huy K là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại thị trấn Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa… Tại phiên tòa ngày 30/01/2023, anh K vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định lại thời gian xét xử vào ngày 05/02/2024, anh K vẫn vắng mặt không lý do.Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị N, anh K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 19/02/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị N đề nghị ly hôn nhưng anh K không đến Tòa án làm việc trình bày ý kiến và anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị N, anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị N, xử cho chị được ly hôn anh K là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Huy K có 02 con chung là Bùi Hoàng Ng, sinh ngày 26/8/2011 và Bùi Huy Đ, sinh ngày 19/3/2014. Ly hôn Chị N, anh K đều đề nghị Chị N nuôi cháu Ng; anh K nuôi cháu Đ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Cháu Ng cũng có nguyện vọng được ở cùng Chị N; cháu Đ có nguyện vọng ở cùng anh K. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của Chị N, anh K là chính đáng, Chị N, anh K có công việc, thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi con Bùi Hoàng Ng, sinh ngày 26/8/2011; anh Bùi Huy K trực tiếp nuôi con Bùi Huy Đ, sinh ngày 19/3/2014; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị N, anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N, anh Bùi Huy K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Bùi Huy K.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi con chung Bùi Hoàng Ng, sinh ngày 26/8/2011; anh Bùi Huy K trực tiếp nuôi con Bùi Huy Đ, sinh ngày 19/3/2014; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị N, anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* Chị N đã nộp theo Biên lai thu số 0005958 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 05/02/2024). Anh Bùi Huy K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND thị trấn Q, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh